

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2020.

“V/v anh K xin ly hôn với chị H”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đình Mạnh.

2. Bà Cù Thị Hanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thảo-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Việt K, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi tạm trú hiện nay: Làng K, xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa: Vắng mặt anh K và chị H (Anh K và chị H đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Tại đơn khởi kiện ngày 03-11-2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Việt K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị H tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 10-11-2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn với nhau được một thời gian thì vợ chồng anh đã đi vào chỗ bố, mẹ đẻ của chị H ở xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai để làm ăn, sinh sống và vợ chồng anh đã chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm với nhau trong mọi việc. Ngoài ra, còn do vợ chồng anh không thống nhất được với nhau về nơi ở của vợ chồng, bản thân anh thì muốn vợ chồng về quê làm ăn, sinh sống nhưng chị H lại không muốn về quê mà muốn tiếp tục ở lại Gia Lai với bố mẹ đẻ của chị ấy. Anh và chị H thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau, vợ chồng chung sống với nhau không có tình cảm và không được hạnh phúc. Từ tháng 8-2017, anh đã bỏ về quê ở xã T, huyện V, tỉnh Nam Định để sinh sống còn chị H vẫn làm ăn, sinh sống ở làng K, xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai cùng với bố mẹ đẻ của chị H. Vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay, không liên lạc gì với nhau nữa và cũng không có trách nhiệm, nghĩa vụ vợ, chồng gì với nhau. Nay anh xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, đời sống chung của vợ, chồng không còn tồn tại; anh và chị H không còn tình cảm, tình nghĩa vợ, chồng gì với nhau nữa nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị H.

- Về con chung, về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Anh và chị H không có gì vì vậy anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

\* Tại bản tự khai ngày 26-11-2020 và đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án ly hôn vắng mặt của bị đơn ngày 26-11-2020, bị đơn là chị Vũ Thị H trình bày: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như anh K đã trình bày ở trên. Nay chị xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, bản thân chị không còn tình cảm gì với anh K nên chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Việt K.

- Về con chung: Chị xác định giữa chị và anh K không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay chị cũng không mang thai gì với anh K.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh K không có gì vì vậy chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đồng thời chị H xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và xin vắng mặt tại phiên tòa vì điều kiện công việc.

\* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 10-12-2020, Ủy ban nhân dân xã T cung cấp: Anh Nguyễn Việt K và chị Vũ Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 10-11-2015. Sau khi kết hôn với nhau thì vợ chồng anh K và chị H đã đi vào chỗ bố, mẹ đẻ của chị H để làm ăn, sinh sống. Đến khoảng tháng 8-2017, chỉ có một mình anh K quay về quê ở xã T, huyện V, tỉnh Nam Định để sinh sống còn chị H không về cùng anh K. Chị H hiện nay vẫn sinh sống và làm ăn ở tỉnh Gia Lai cùng với bố mẹ đẻ của chị H. Anh K và chị H sống ly thân với nhau từ tháng 8-2017 cho đến nay.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về các yêu cầu khởi kiện của Đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Việt K; cụ thể.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Việt K và chị Vũ Thị H.

+ Về con chung, về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí ly hôn: Buộc anh K phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là chị Vũ Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định và hiện nay đang tạm trú ở làng K, xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Anh K và chị H có đơn thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định để giải quyết vụ án ly hôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời anh K và chị H đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, đã sống ly thân từ tháng 8-2017 cho đến nay. Xét điều kiện, vợ chồng anh chị đã mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan tâm đến nhau. Từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình, đặc biệt cả hai bên không còn thiện chí thực hiện nghĩa vụ sống chung với nhau theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về “Tình nghĩa vợ chồng”. Điều đó chứng tỏ mục đích của hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không còn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh K xử cho anh được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung, về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Việt K phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Việt K và chị Vũ Thị H.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Việt K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh K đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002051 ngày 25-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Như vậy, anh K đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hiến**